



PGL-E026-250218.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/02/2025

MÁY GIẶT/ WASHING MACHINE

THÔNG TIN VỀ MẪU THỬ NGHIỆM/ SAMPLE SPECIFICATION

1. Tên mẫu thử nghiệm/ Name of sample:	Hiệu/ Brand:	BOSCH
	Kiểu/ Model:	WGB256A40
2. Mô tả mẫu/ Description:	Xuất xứ/ Origin:	Đức/ Germany
	Điện áp/ Voltage (V):	220-240
	Tần số/ Frequency (Hz):	50-60
	Công suất/ Power (W):	2300
	Năng suất danh định/ Rated capacity (kg):	10
3. Số lượng mẫu/ Quantity (Cái/ Unit):		01
4. Khách hàng/ Customer:	Công ty TNHH Eurocook Global	

THÔNG TIN THỬ NGHIỆM/ TEST INFORMATION

5. Ngày nhận mẫu/ Date received:	18/02/2025	6. Thời gian thử nghiệm/ Test duration:	18/02/2025 - 20/02/2025
7. Tên phép thử/ The name of test:	Thử nghiệm hiệu suất năng lượng/ Energy efficiency test		
8. Phương pháp thử/ Test method:	TCVN 8526:2013; IEC 60456:2010; YCKH		
9. Kết quả thử nghiệm/ Test result:	Trang/ Page: 6/7	10. Kết luận/ Conclusion:	Đạt/ Pass

QUẢN LÝ/ SUPERVISOR

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Thử nghiệm/
Testing

Chất lượng/
Quality

CENTER DIRECTOR

DIRECTOR GENERAL



Lê Quý Huân Mai Chí Chung

Nguyễn Văn Nam

Mai Thị Vân

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ Throughout this report, a point is used as the decimal separator.
2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

N/A: Không áp dụng.
Not applicable

Trang/ Page: 1/ 7

PGL-E026-250218.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/02/2025

THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO/
GENERAL INFORMATION ABOUT THE REPORT

1. Phương thức lấy mẫu/
Sampling method:

Mẫu thử do khách hàng cung cấp/ *Samples provided by customers.*

2. Đặc điểm kỹ thuật kiểm tra/ Test specification:

- Tên phép thử/
The name of test:

Thử nghiệm hiệu suất năng lượng/ *Energy efficiency test*

- Phương pháp thử/
Test method:

TCVN 8526:2013; IEC 60456:2010;
Yêu cầu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/
Testing requirements provided by customers.

3. Tuyên bố từ chối
trách nhiệm chung/
General disclaimer:

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu được thử nghiệm/
The test results presented in this report relate only to the object tested;

- Tên mẫu, tên thương hiệu, ký hiệu/ kiểu loại và tên khách hàng, được ghi theo yêu cầu của bên gửi mẫu/ *Name of sample, brand, model and customer are written as customer's request;*

- Trung tâm Thử Nghiệm Kiểm định Phúc Gia không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/ *Phuc Gia Inspection Testing Center is disclaimer when the information is supplied by customers may affect the validity of results;*

- Không được sao chép một phần báo cáo thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Thử Nghiệm Kiểm định Phúc Gia/ *This test report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Phuc Gia Inspection Testing Center;*

- Tính xác thực của báo cáo thử nghiệm này và nội dung của nó có thể được xác minh bằng cách liên hệ với Trung tâm Thử Nghiệm Kiểm định Phúc Gia, người chịu trách nhiệm về báo cáo thử nghiệm này/ *The authenticity of this Test Report and its contents can be verified by contacting Phuc Gia Inspection Testing Center, responsible for this Test Report.*

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ *Throughout this report, a point is used as the decimal separator.*

2. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

N/A: Không áp dụng.
Not applicable

Trang/ Page: 2/ 7

PGL-E026-250218.M01

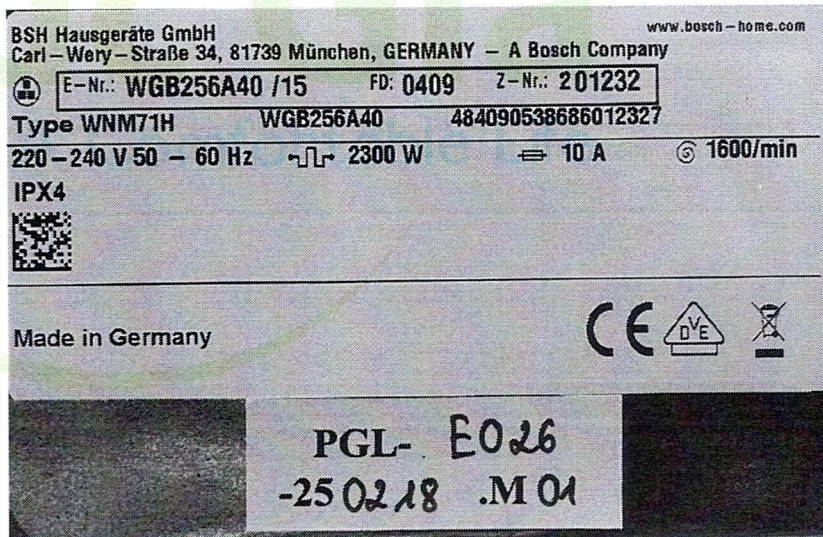
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/02/2025

HÌNH ẢNH MẪU THỬ/ PHOTOGRAPHS OF EUT



Chương trình giặt thử nghiệm/ The programme selected for testing



Mẫu thử/ EUT

Tem kỹ thuật/ Name plate

Ghi chú/ Notes: Hình ảnh trên có thể chỉ là bản nháp. Việc sử dụng các dấu hiệu chứng nhận trên sản phẩm phải được sự cho phép của các cơ quan có thẩm quyền tương ứng sở hữu nhãn hiệu đó/ The artwork above may be only a draft. The use of certification marks on a product must be authorized by the respective NCBs that own these marks.

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ Throughout this report, a point is used as the decimal separator.
2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

N/A: Không áp dụng.
Not applicable

Trang/ Page: 3/ 7

PGL-E026-250218.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/02/2025

TT	NỘI DUNG/ DESCRIPTION	KẾT QUẢ/ RESULT	NHẬN XÉT/ VERDICT
I	Thông Tin Về Sản Phẩm – Phạm Vi Áp Dụng/ Sample Specification - Scope		
1	Năng suất danh định/ Rated capacity (kg): $2 \div 15$	10	Phù hợp/ Suitable
2	Loại/ Type: - Lòng đứng/ Top-Load: T - Lòng ngang/ Front-Load: F	F	Phù hợp/ Suitable
II	Thiết bị đo/ Test equipment		
1	Nguồn cung cấp/ AC power supply	APS-7300	Phù hợp/ Suitable
2	Thiết bị đo công suất/ Power analyzer	PA1000	Phù hợp/ Suitable
III	Yêu Cầu Về Điều Kiện Thử Nghiệm/ Requirement Conditions		
1	Nguồn cung cấp/ Electricity supply:		Phù hợp/ Suitable
	Điện áp nguồn cung cấp/ Supply voltage (V): - 01 $U_{\text{Danh định}}/ 01 U_{\text{Rated}}: U_{\text{Test}} = 220 \pm 2\%$ - Dải điện áp/ Voltage range: $U_{\text{Test}} = 220 \pm 2\%$	Trang/ Page: 6/7	
	Tần số nguồn cung cấp/ Supply frequency (Hz): - 01 $f_{\text{Danh định}}/ 01 f_{\text{Rated}}: f_{\text{Test}} = 50 \pm 1\%$ - Dải tần số/ Frequency range: $f_{\text{Test}} = 50 \pm 1\%$	Trang/ Page: 6/7	
2	Nguồn nước/ Water supply:		Phù hợp/ Suitable
	- Nhiệt độ nguồn nước sử dụng/ Temperature of supply water (°C): 20 ± 2	Trang/ Page: 6/7	
	- Áp suất tĩnh của nguồn cấp nước/ Static pressure of supply water (kPa): 240 ± 50	Trang/ Page: 6/7	

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ Throughout this report, a point is used as the decimal separator.

2. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

N/A: Không áp dụng.
Not applicable

Trang/ Page: 4/ 7

PGL-E026-250218.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/02/2025

TT	NỘI DUNG/ <i>DESCRIPTION</i>	KẾT QUẢ/ <i>RESULT</i>	NHẬN XÉT/ <i>VERDICT</i>
III	Yêu Cầu Về Điều Kiện Thử Nghiệm/ <i>Requirement Conditions</i>		
3	Nhiệt độ môi trường/ <i>Ambient temperature (°C): 23 ± 2</i>	Trang/ <i>Page</i> : 6/7	Phù hợp/ <i>Suitable</i>
4	Tải thử nghiệm/ <i>Test load</i> Theo bảng/ <i>Apply table</i> : C.1 - IEC 60456: 2010		Phù hợp/ <i>Suitable</i>
4.1	Khối lượng tải thử nghiệm/ <i>Test load mass (kg)</i>	10	
4.2	Thành phần tải thử nghiệm/ <i>Load component</i> Theo bảng 2/ <i>Apply table 2</i> :		
	- Số lượng Ga giường (Chiếc)/ <i>Number of sheets (Unit)</i>	4	
	- Số lượng Vỏ gối (Chiếc)/ <i>Number of pillowcases (Unit)</i>	16	
	- Số lượng Khăn tắm (Chiếc)/ <i>Number of towels (Unit)</i>	28	
5	Thời gian thử nghiệm/ <i>Test time</i> :		Phù hợp/ <i>Suitable</i>
	- Chu kỳ giặt hoàn chỉnh/ <i>Total wash cycle</i> : 3	3	
	- Chương trình giặt thử nghiệm: Vải cotton <i>The programme selected for testing: Cotton</i>	Trang/ <i>Page</i> : 3/7	

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ *Throughout this report, a point is used as the decimal separator.*

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ *The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*

N/A: Không áp dụng.
Not applicable

Trang/ *Page*: 5/ 7

PGL-E026-250218.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/02/2025

TT	NỘI DUNG/ DESCRIPTION	KẾT QUẢ/ RESULT			
IV	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT	Lần thử/ Cycle tested			Trung bình/ Average
		1	2	3	
1	Chương trình giặt được thử nghiệm/ Programme selected for testing	Trang/ Page: 3/7			-
2	Thời gian 1 chu kỳ giặt tương ứng với chương trình giặt thử nghiệm (phút)/ Cycle time of the programme selected for testing (mins)	59	59	59	59
3	Nhiệt độ môi trường/ Ambient temperature (°C): 23 ± 2	24.2	24.1	24.2	24.2
4	Điện áp nguồn cung cấp/ Supply voltage (V): $220 \pm 2\%$	220.08	220.11	220.11	220.10
5	Tần số nguồn cung cấp/ Supply frequency (Hz): $50 \pm 1\%$	50.00	50.00	50.00	50.00
6	Nhiệt độ nguồn nước sử dụng/ Temperature of supply water (°C): 20 ± 2	21.3	21.2	21.3	21.3
7	Áp suất tĩnh của nguồn nước cung cấp/ Static pressure of supply water (kPa): 240 ± 50	270	270	270	270
8	Khối lượng tải thử nghiệm/ Test load mass (kg)	10.0	10.0	10.0	10.0
9	Điện năng tiêu thụ/ Electrical energy consumption (Wh)	120.63	124.59	123.36	122.86
10	Năng suất danh định/ Rated capacity (kg)	10.0			
11	Hiệu suất năng lượng/ Energy efficiency (Wh/kg) - E	12.29			
12	Cấp hiệu suất năng lượng (Bảng 1)/ Classes Of Energy Efficiency (Table 1)	Máy giặt lồng đứng/ Top-Load Washer		Máy giặt lồng ngang/ Front-Load Washer	
		N/A		5	

1. Trong suốt báo cáo này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ Throughout this report, a point is used as the decimal separator.

2. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy/ The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

N/A: Không áp dụng.

Not applicable

Trang/ Page: 6/ 7

PGL-E026-250218.M01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/02/2025

Bảng 1 – Hiệu Suất Năng Lượng Của Máy Giặt Theo TCVN 8526:2013/
Table 1 - Energy Efficiency Of Washing Machine Following TCVN 8526:2013

MÁY GIẶT LỒNG ĐỨNG/ Top-Load Washing Machine		MÁY GIẶT LỒNG NGANG/ Front-Load Washing Machine	
Cấp hiệu suất/ Efficiency Grade	Mức hiệu suất (E)/ Efficiency Range	Cấp hiệu suất/ Efficiency Grade	Mức hiệu suất (E)/ Efficiency Range
1	$20.0 < E \leq 23.0$	1	$82.0 < E \leq 90.0$
2	$17.0 < E \leq 20.0$	2	$72.0 < E \leq 82.0$
3	$14.5 < E \leq 17.0$	3	$62.0 < E \leq 72.0$
4	$12.0 < E \leq 14.5$	4	$52.0 < E \leq 62.0$
5	$E \leq 12.0$	5	$E \leq 52.0$

HIỆM PHÚC GIA